

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2023

V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tiến.

Bà Tạ Huyền Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1987 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Đào Minh Đ, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, bà Lê Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Đào Minh Đ qua mai mối đã kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2005, hôn nhân có tổ chức đám cưới gã theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Lý do ly hôn: Quá trình chung sống vợ, chồng xảy ra bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, đời sống chung không còn hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng ly thân từ đó đến nay, quá trình ly thân đã lâu và vợ chồng không thể hàn gắn hôn nhân. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Lê Thị H yêu cầu ly hôn với ông Đào Minh Đ

- Về con chung: Có hai người con tên Đào Minh Tr, sinh ngày 09/8/2005 (nam) và Đào Kim T, sinh ngày 10/3/2012, hiện nay cháu Tr đã trưởng thành nên

không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, riêng cháu T, khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu xem xét.

- Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Đào Minh Đ*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông Đ không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà Lê Thị H yêu cầu ly hôn, về việc nuôi con, cấp dưỡng cho con, chia tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Bà Lê Thị H yêu cầu ly hôn với ông Đào Minh Đ, yêu cầu nuôi con chung ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp “Xin ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; ông Đào Minh Đ cư trú tại Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị H có đơn xin vắng mặt phiên xét xử vì điều kiện công việc, đang nuôi con nhỏ, nơi ở xa và việc đi lại khó khăn nên không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, yêu cầu này của bà H là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Đào Minh Đ đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Đào Minh Đ qua mai mối, có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2005, hôn nhân có tổ chức đám cưới gả theo phong tục của địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01/2005 ngày 05/4/2005, vì vậy quan hệ giữa bà Lê Thị H và ông Đào Minh Đ được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà Lê Thị H cho rằng quá trình chung sống vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân năm 2020 đến nay, bà Lê Thị H yêu cầu ly hôn với ông Đào Minh Đ. Tòa án đã triệu tập ông Đào Minh Đ nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhưng ông vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của bà H, cho thấy ông Đ không thiện chí hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, Tòa án đã nhận được Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn đề ngày 21/8/2023 do

bà Lê Thị H và ông Đào Minh Đ cùng ký tên, do đó Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị H và ông Đào Minh Đ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con: Có hai người con chung.

Đào Minh Tr, sinh ngày 09/8/2005 (nam).

Đào Kim T, sinh ngày 10/3/2012 (nữ).

Hiện nay cháu Tr đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, riêng cháu T, khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, ông Đào Minh Đ không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu nuôi con của bà Xuyên. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Đào Kim T hiện nay trên 07 tuổi, khi cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng chung sống với mẹ (Đơn yêu cầu đề ngày 04/10/2023). Mặt khác, từ khi hai đương sự sống ly thân cho đến nay, cháu Kim T được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Đào Kim T nên giao cháu T cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản, nợ thu và nợ trả: Các đương không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà H được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56 và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 281 Bộ luật dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị H ly hôn đối với ông Đào Minh Đ.

Về nuôi con: Có hai người con chung.

Đào Minh Tr, sinh ngày 09/8/2005 (nam);

Đào Kim T, sinh ngày 10/3/2012 (nữ)

Khi ly hôn, cháu Đào Minh Tr đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết, giao cháu Đào Kim T cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Đào Minh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ thu và nợ trả: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà H được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016277 ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, bà H không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền